

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2021/DS-PT**

Ngày 27-01-2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Ông Lê Viết Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Đỗ Thị Lụa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 265/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị H, sinh năm 1972; (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Đắc H1, sinh năm 1985; (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- ***Bị đơn:*** Bà Thạch Thị K, sinh năm 1965; (*có mặt*)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà K: Luật sư Đỗ Văn B – Văn phòng Luật sư H – Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng; (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 1367A, đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- ***Người làm chứng:*** Chị Thạch Thị T, sinh năm 1992; (*có mặt*)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- ***Người kháng cáo:*** Bị đơn bà Thạch Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trịnh Đắc H1 trình bày:

Ngày 14 tháng 9 năm 2019 bà H có cho bà Thạch Thị K vay số tiền là 1.100.000.000đồng (một tỷ một trăm triệu đồng). Người viết giấy vay tiền là con gái bà K tên Thạch Thị T, sinh năm: 1992, bà K là người ký nhận và điểm chỉ. Bà K vay tiền của bà H để mua đất vườn điều. Thời hạn trả tiền là ngày 02 tháng 4 năm 2020 (ngày 10 tháng 3 năm 2020 âm lịch). Lãi suất vay bà H và bà K thỏa thuận bằng miệng là 2%/tháng, vay không thế chấp tài sản. Từ khi vay cho đến nay bà K không trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà H.

Đến hạn trả nợ bà H đã nhiều lần yêu cầu bà K phải trả tiền cho bà H nhưng bà K không thực hiện, bán đất vẫn không trả tiền cho bà H.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Thạch Thị K phải trả cho bà H số tiền nợ gốc đã vay là 1.100.000.000đồng (một tỷ một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Thạch Thị K trình bày:

Bà H trình bày là không đúng. Bà K không vay của bà H số tiền 1.100.000.000đồng (một tỷ một trăm triệu đồng). Vào năm 2014, bà K có vay của bà H số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Bà K đã đóng lãi đầy đủ cho bà H. Tiền gốc 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) bà K chưa trả cho bà H. Ngày 14 tháng 9 năm 2019 bà H ép bà K phải viết giấy vay nợ 1.100.000.000đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) nên bà K nói con gái là Chị T viết giấy theo yêu cầu của bà H. Nay bà H yêu cầu bà K phải trả số tiền là 1.100.000.000đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) thì bà K không đồng ý vì bà K không có vay số tiền trên. Bà K đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc đã vay năm 2014 là 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng).

Người làm chứng chị Thạch Thị T trình bày:

Chị T là con gái của bà K. Ngày 14 tháng 9 năm 2019 chị T có viết giấy vay tiền theo yêu cầu của bà K. Bà K có ký nhận nhưng thực tế bà K không có vay số tiền 1.100.000.000đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) của bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

Buộc bà Thạch Thị K phải trả cho bà Lê Thị H số tiền nợ gốc đã vay là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng), không tính lãi...”

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và các chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2020, bị đơn bà Thạch Thị K kháng cáo Bản án sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H vì hiện tại bà K không còn nợ bà H bất cứ khoản tiền nào.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị H là ông Trịnh Đắc H1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của TAND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn bà Thạch Thị K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX sửa bản án dân sự sơ thẩm của TAND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do bà K không vay của bà H số tiền 1.100.000.000đồng (một tỷ một trăm triệu đồng).

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà K là Luật sư Nguyễn Văn B trình bày: Theo quy định tại Khoản 1, Điều 309 Bộ luật TTDS 2015 thì “Việc thu thập chứng cứ và chứng minh tại cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ”, về nội dung: Có giao, nhận tiền hay không; Không yêu cầu nguyên đơn chứng minh việc “Giao nhận tiền”; Không thu thập, xem xét việc bà Thạch Thị K trả bà Lê Thị H 50.000.000 đ ngày 26/03/2020, có liên quan thế nào đến giấy mượn tiền ngày 14/9/2019. Tuy nhiên, “Việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm nhưng đã được cấp phúc thẩm bổ sung đầy đủ”. Do đó, yêu cầu của Bị đơn bà Thạch Thị K về việc “Sửa bản án sơ thẩm” là phù với quy định tại Khoản 2 Điều 309 Bộ luật TTDS 2015.

Những vấn đề cấp sơ thẩm sai sót, được cấp phúc thẩm bổ sung đầy đủ:

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 92 Bộ luật TTDS 2015 về “Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh”, nguyên đơn bà Lê Thị H “Buộc” phải chứng minh “Đã giao tiền cho bà Thạch Thị K” nhưng nguyên đơn “Không có tài liệu, chứng cứ chứng minh” nên yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ.

Nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc “Giao nhận tiền”. Trong khi, Bị đơn bà Thạch Thị K không thừa nhận “Việc vay, mượn tiền”; Giao dịch vay tiền được thực hiện bằng “Văn bản” nhưng “Giấy mượn tiền” không ghi rõ thời gian, không gian, địa điểm, hình thức giao nhận tiền, người giao tiền, người nhận tiền, mệnh giá tiền, nguồn gốc số tiền giao nhận, nhân chứng khách quan.v.v. Chứng tỏ phản biện của bị đơn về việc “Không mượn số tiền 1.100.000.000 đ” là có căn cứ cơ sở hợp pháp.

Theo đó, trình bày của bị đơn bà K và Thạch Thị T về “Lý do, nguyên nhân” không mượn tiền nhưng lại trực tiếp viết Giấy mượn tiền, ký, ghi họ, tên và bà K còn điểm chỉ Người vay tiền, tại giấy mượn tiền ngày 14/9/2019, là do bị bà H đe dọa, lừa phỉnh “Viết và ký đi, không sao đâu”, là có căn cứ cơ sở.

Ngoài ra, trên cơ sở phân tích thêm về Hình thức, Nội dung của Giấy mượn tiền ngày 14/9/2019, giữa bên cho mượn tiền bà H, với bên mượn tiền bà K. Đối chiếu với Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 quy định “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay...”, càng chứng tỏ “Không cho mượn 1.100.000.000đ” là có căn cứ cơ sở.

Từ phân tích, đề nghị trên, đối chiếu với Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/03/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về “Thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng Án phí, Lệ phí Tòa án”, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Thạch Thị K chịu Án phí dân sự sơ thẩm 45.000.000đ (Bốn năm triệu đồng chẵn) là không phù hợp.

Do đó, đề nghị HĐXX Phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, đồng thời quyết định trách nhiệm nộp án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm, theo thủ tục chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm cũng không làm rõ nguồn gốc số tiền bà H cho bà K vay, là tiền cá nhân hay tiền chung của vợ chồng, vì theo tài liệu do bà H cung cấp, thì bà H đang tồn tại quan hệ hôn nhân với ông Ngô Văn C. Từ đó xác định tư cách tố tụng của ông C, ý chí nguyện vọng, yêu cầu cụ thể của ông C trong vụ án này. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa nhận định và làm rõ giá trị pháp lý của giấy vay tiền lập ngày 14/9/2019. Như vậy, Tòa sơ thẩm chỉ căn cứ vào giấy vay tiền và lời trình bày của bà H, buộc bà K phải trả số tiền 1.100.000.000 đồng là chưa đủ cơ sở vững chắc, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà K. Cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử và quyền kháng cáo.

Vì vậy đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS năm 2015: chấp nhận kháng cáo của bà Thạch Thị K; Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 02/10/2020 của TAND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; chuyển hồ sơ về TAND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Án phí và các chi phí tố tụng được giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bà Thạch Thị K được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền xét xử: Căn cứ vào các Điều 36, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, TAND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước xét xử là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ tranh chấp: TAND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước xác định đúng quan hệ tranh chấp.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Thạch Thị K:

Từ mối quan hệ quen biết, nguyên đơn trình bày có cho bị đơn mượn số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng). Bị đơn bà Thạch Thị K thừa nhận có ký tên và điểm chỉ vào “Giấy mượn tiền” ngày 14 tháng 9 năm 2019 còn nội dung là do con gái bà tên Thạch Thị T tự tay ghi. Nhưng bà K không thừa nhận có vay của bà H số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng). Bà

K cho rằng do bị bà H ép buộc, đe dọa phải ký tên vào giấy mượn tiền chứ không vay của bà H số tiền trên. Nhưng không có người làm chứng việc bà K bị bà H đe dọa ép buộc, bà K. Bà K trình bày, vào năm 2014, bà K có vay của bà H số tiền gốc là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 50.000đồng/1.000.000đồng/01 tháng, thời hạn vay là 01 năm. Mục đích bà K vay tiền của bà H để trả số tiền vay vốn sinh viên. Số tiền này bà K vay của bà H 03 lần, mỗi lần 10.000.000đồng (mười triệu đồng). Giao nhận tiền tại nhà bà H. Bà K đã trả cho bà H được số tiền lãi là 74.000.000đ (Bảy mươi bốn triệu đồng) theo Biên bản làm việc ngày 20/01/2021 của TAND tỉnh Bình Phước. Đến tháng 3 năm 2020, bà K đã trả đủ cả tiền lãi và tiền gốc cho bà H. Chị Thạch Thị T thừa nhận bà tự tay ghi nội dung vào giấy biên nhận đề ngày 14/9/2019 và có ký tên. Chị T trình bày do bà H đe dọa và ép buộc viết và ký nhận nợ.

Nguyên đơn bà Lê Thị H cung cấp giấy mượn tiền có chữ ký tên cùng dấu điểm chỉ lần tay của bị đơn bà Lê Thị Kiệp và người viết giấy chị Thạch Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H trình bày bà H giao số tiền 1.100.000.000đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) cho bà K bằng tiền mặt tại nhà bà H rồi sau đó mới đến nhà của bà K yêu cầu chị T là con gái của bà K viết giấy mượn tiền, việc bà H giao tiền cho bà K không có giấy tờ gì chứng minh, cũng như không có người chứng kiến. Như vậy, các bên viết giấy vay mượn tiền sau thời điểm giao nhận tiền và địa điểm giao nhận tiền cũng khác với địa điểm viết giấy mượn tiền. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ có hay không thực tế bà H và bà K có thực hiện việc giao nhận số tiền 1.100.000.000đồng (một tỷ một trăm triệu đồng).

Mặt khác, bị đơn bà Thạch Thị K không thừa nhận có vay của bà H số tiền 1.100.000.000đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) mà chỉ thừa nhận việc có ký tên, điểm chỉ vào giấy mượn tiền đề ngày 14/9/2020. Mặc dù chị T, bà K thừa nhận chữ viết, chữ ký và dấu vân tay trong giấy vay tiền lập ngày 14/9/2019, nhưng việc lập giấy là do bị bà H đe dọa, ép buộc, nội dung giấy vay tiền do bà H chuẩn bị sẵn, do bà K không biết chữ, vì bà H đe dọa sẽ phá đám cưới của con trai bà K nên chị T đã thay bà K chép lại những nội dung mà bà H đưa; Chị T xác định không chứng kiến việc bà K giao nhận tiền với bà H. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ điều kiện hoàn cảnh và ý chí của bà K, chị T khi lập giấy vay tiền ngày 14/9/2019, không làm rõ việc có hay không có hành vi ép buộc của bà H đối với bà K, chị T.

Cũng theo trình bày của bà H, thì mục đích bà K vay tiền về để mua đất rẫy điều. Nhưng bà K thì không thừa nhận, bà K khẳng định không có vay tiền để mua đất rẫy điều, vì nhà bà K cũng đã có đất rẫy điều, nguồn gốc đất được hình thành từ năm 1990. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh làm rõ trong khoảng thời gian từ sau ngày lập giấy mượn tiền, bà K có dùng nguồn tiền vay mượn của bà H để mua sắm thêm tài sản (mua đất rẫy điều) hay không.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng không làm rõ nguồn gốc số tiền bà H cho bà K vay, là tiền cá nhân hay tiền chung của vợ chồng bà H ông C. Từ đó xác định tư cách tố tụng của ông C, ý chí nguyện vọng, yêu cầu cụ thể của ông C trong vụ án này.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa nhận định và làm rõ giá trị pháp lý của giấy vay tiền lập ngày 14/9/2019.

Bà H trình bày bà K vay tiền để mua đất rẫy vườn điều là tạo tài sản chung cho hộ gia đình bà K. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ đối với các thành viên trong gia đình của bà K về khoản tiền vay 1.100.000.000đồng (một tỷ một trăm triệu đồng).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào “Giấy mượn tiền ghi ngày 14/9/2019” để buộc bị đơn bà Thạch Thị K phải trả số tiền 1.100.000.000đồng cho nguyên đơn bà Lê Thị H mà không xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ liên quan khác là chưa phù hợp. Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, bỏ sót người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có nhiều nội dung mâu thuẫn trong vụ án chưa được làm rõ dẫn đến việc giải quyết vụ án không khách quan, toàn diện ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Nên kháng cáo của bà Thạch Thị K được chấp nhận. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại cho đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét lại khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Thạch Thị K được chấp nhận nên bà K không phải chịu.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Thạch Thị K

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 02/10/2020 của TAND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho TAND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Thạch Thị K không phải chịu, Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho bà K số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000đồng

(Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025306, quyền số 000507 ngày 02/11/2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND Tp. Đ;
- Chi cục THADS Tp. Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thư